

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

QUAN ĐIỂM PHÊ PHÁN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SINH THÁI ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA SINH THÁI VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN^(*)

Phạm Thị Hường^(**)

^(**) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phamhuongvth.2016@gmail.com

Tóm tắt: Phê phán các quan điểm đương thời hay các quan điểm trước đó trong lịch sử, từ đó xây dựng nên hệ thống quan điểm độc lập của mình là một trong những con đường phổ biến của triết học phương Tây, làm nên đặc trưng trong tư duy phương Tây. Bởi vậy, với đại đa số các trào lưu tư tưởng và các nhà tư tưởng, quan điểm phê phán không chỉ là con đường mà còn phản ánh một phần nội dung tư tưởng quan trọng của họ. Chủ nghĩa xã hội sinh thái cũng không phải là ngoại lệ, các nhà lý luận của trào lưu này đã dành không ít công sức để tập trung phê phán chủ nghĩa sinh thái và chủ nghĩa tư bản đương thời. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích làm rõ nội dung phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái đối với chủ nghĩa sinh thái và chủ nghĩa tư bản về lập trường sinh thái cũng như ý nghĩa sinh thái của nó, từ đó làm nổi bật quan điểm của chủ nghĩa xã hội sinh thái trong việc nhìn nhận về mối quan hệ giữa tự nhiên và con người, giữa xã hội và sinh thái.

Từ khóa: chủ nghĩa xã hội sinh thái, chủ nghĩa xã hội sinh thái Mỹ, chủ nghĩa sinh thái, chủ nghĩa tư bản, khủng hoảng môi trường, chuyển đổi xã hội.

Ngày nhận bài: 18/06/2025; ngày phản biện: 19/06/2025; ngày sửa chữa: 02/07/2025; ngày duyệt đăng: 10/07/2025.

1. Dẫn luận

Cuộc khủng hoảng môi trường toàn cầu hiện nay, với các biểu hiện nghiêm trọng như biến đổi khí hậu, suy thoái đa dạng sinh học, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường đang đặt ra những thách thức sống còn đối với nhân loại.

Những vấn đề này không chỉ là hệ quả tự nhiên thuần túy, mà còn phản ánh mối liên hệ sâu sắc giữa cấu trúc kinh tế - xã hội hiện nay với sự suy thoái của

^(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025 “Một số tư tưởng của chủ nghĩa xã hội sinh thái ở Mỹ” do ThS. Phạm Thị Hường làm chủ nhiệm.

hệ sinh thái. Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ XX đã có nhiều lý thuyết và trào lưu tư tưởng ra đời nhằm lý giải nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng sinh thái và đề xuất các phương hướng khắc phục. Trong số đó, *chủ nghĩa xã hội sinh thái (Eco-socialism)* nổi lên như một trào lưu tư tưởng mới và nổi trội hơn cả. Trào lưu này tập trung bàn luận về những nội dung căn bản, làm nổi bật những đặc điểm và mâu thuẫn xã hội xoay quanh phương thức sản xuất - tiêu dùng tư bản chủ nghĩa với sinh thái.

Chủ nghĩa xã hội sinh thái là một hệ tư tưởng phức hợp, kết hợp các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội với mối quan tâm sâu sắc về sinh thái. Quan điểm xuyên suốt của chủ nghĩa xã hội sinh thái là nhận định cuộc khủng hoảng môi trường không phải là một vấn đề đơn lẻ, mà là hệ quả trực tiếp của các cấu trúc kinh tế và xã hội hiện hành, đặc biệt là chủ nghĩa tư bản (Xem: Phạm Thị Hương 2024). Nó nhấn mạnh rằng việc giải phóng con người khỏi sự bóc lột kinh tế phải gắn liền với việc giải phóng tự nhiên khỏi những sự ràng buộc của hàng hóa và giá trị sử dụng. Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội sinh thái được thể hiện rõ qua tính phê phán sâu sắc của nó đối với *chủ nghĩa sinh thái (Ecocentrism)* và *chủ nghĩa tư bản (Capitalism)*. Trên cơ sở phê phán chủ nghĩa sinh thái, các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái đã đưa ra quan điểm và luận thuyết của mình về sự chuyển đổi của xã hội tương lai mang tên xã hội chủ nghĩa sinh thái như một quá trình chuyển đổi thực sự vì

công bằng cho tất cả (Phạm Thị Hương và cộng sự 2025).

2. Quan điểm phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái đối với chủ nghĩa sinh thái

Chủ nghĩa sinh thái - Ecocentrism (hay còn gọi là Chủ nghĩa môi trường) là thuật ngữ mô tả hệ thống các tư tưởng Xanh, xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX ở Mỹ và nổi lên từ những năm 1970 gắn với các tổ chức bảo vệ môi trường, đặc biệt là gắn với các đảng bảo vệ môi trường mới nổi như “Đảng xanh” (German Greens / die Grünen) được thành lập năm 1980. Thuật ngữ “chủ nghĩa sinh thái” được dùng phổ biến hơn ở Anh, còn thuật ngữ “chủ nghĩa môi trường” được quan tâm nhiều hơn ở Mỹ. Một thế hệ các nhóm vận động và các nhà hoạt động mới, từ tổ chức *Hòa bình Xanh, Những người bạn của Trái đất*, đến các nhà hoạt động giải phóng động vật, các “chiến binh sinh thái” cùng với các nhóm có tên tuổi hơn như *Quỹ Thiên nhiên Toàn cầu*, đã làm cho chủ nghĩa sinh thái và phong trào Xanh ngày càng có ảnh hưởng trong thực tiễn và các chương trình nghị sự. Các câu hỏi về môi trường thường chiếm vị trí quan trọng trong chương trình nghị sự chính trị khi các đảng Xanh hiện đã tồn tại ở hầu hết các nước công nghiệp.

Chủ nghĩa sinh thái có nguồn gốc từ các tôn giáo và các hệ tư tưởng khác. Nguồn gốc quan trọng đầu tiên của Chủ nghĩa sinh thái là các tôn giáo nguyên thủy. Các tôn giáo nguyên thủy thường không có sự phân biệt giữa con người

và các dạng sống khác; tất cả mọi thứ như đá, sông, núi đều sống động và trái đất thường được coi là “Mẹ Trái đất”, “Mẹ thiên nhiên”. Nó cũng tiếp nhận nguyên tắc hài hòa và hợp nhất từ các tôn giáo phương Đông như Ấn Độ giáo, Đạo giáo và Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Thiền tông. Nhiều người trong phong trào Xanh đã nhìn thấy trong các tôn giáo này cả một nền triết học biểu đạt trí tuệ sinh thái và một lối sống khuyến khích lòng trắc ẩn đối với đồng loại, muôn loài và thế giới tự nhiên. Hệ tư tưởng này cũng tiếp nhận các nguyên tắc sinh thái trong các tôn giáo độc thần như Cơ đốc giáo, Do Thái giáo và Hồi giáo, coi con người và thiên nhiên là sản phẩm của tạo hóa thần thánh, trong đó, con người được xem là những người quản lý của Chúa phái xuống Trái đất, có nghĩa vụ trân trọng và bảo tồn hành tinh.

Cơ sở thứ hai của Chủ nghĩa sinh thái là các hệ tư tưởng đương đại khác, như chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ. Chúng có ảnh hưởng khá rõ nét đến Chủ nghĩa sinh thái. *Chủ nghĩa tự do hiện đại* được cho là duy trì một hình thức của chủ nghĩa nhân văn “khai sáng”, khuyến khích mọi người hướng đến những vấn đề mang tính dài hạn chứ không chỉ là những nhu cầu trước mắt, gồm cả sở thích, ưu tiên những thú vui “cao hơn” (bao gồm quan tâm đến thế giới tự nhiên) so với những thú vui “thấp hơn” (chẳng hạn như tiêu dùng vật chất). *Chủ nghĩa bảo thủ* cũng được tiếp nhận vào Chủ

nghĩa sinh thái khi nó thể hiện sự hoài cổ với lối sống nông thôn bị đe dọa bởi sự phát triển của quá trình đô thị hóa. Việc bảo tồn thiên nhiên, vì vậy, liên kết với việc bảo vệ các giá trị và thể chế truyền thống. Những người bảo thủ đã ủng hộ “chủ nghĩa tư bản xanh” với các giải pháp dựa trên thị trường bao gồm việc áp dụng các chính sách thuế khuyến khích hành vi thân thiện với môi trường của cá nhân và doanh nghiệp, và các chương trình kinh doanh khí thải để giải quyết các vấn đề về môi trường.

Chủ nghĩa xã hội sinh thái phê phán chủ nghĩa sinh thái trên các bình diện sau:

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội sinh thái phê phán lập trường nhị nguyên của chủ nghĩa sinh thái.

Tự nhận mình là “không tả cũng không hữu, mà là tiến bộ” (Joel Kovel 2007: 190), chủ nghĩa sinh thái đã kế thừa ít nhiều từ tất cả các hệ tư tưởng mà nó chịu ảnh hưởng. Nhờ vậy, chủ nghĩa sinh thái có khả năng lôi cuốn và thuyết phục sự quan tâm của nhiều đối tượng, bao gồm cả những người theo chủ nghĩa tự do và những người theo chủ nghĩa bảo thủ, cả những người có đạo và những người vô thần, cả những nhà kinh doanh lớn và nhà môi trường tham gia vào các chương trình nghị sự. Tuy nhiên, các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái đã phân tích và chỉ ra “bản chất” mơ hồ, lập trường không rõ ràng, thiếu dứt khoát trong tuyên bố “không tả, không hữu” (hàm nghĩa lập trường

nhất nguyên sinh thái)¹ của chủ nghĩa sinh thái.

Đối tượng hướng đến của chủ nghĩa sinh thái chính là toàn bộ hệ sinh thái (không phải chỉ con người). Chủ nghĩa sinh thái quan niệm hệ sinh thái bao gồm yếu tố con người và những yếu tố phi con người. Điều đó có nghĩa là, con người là một phần trong hệ sinh thái, có vị trí đồng đẳng với những phần khác không phải con người (ám chỉ tự nhiên và thế giới vô sinh khác), đồng thời các thành tố trong hệ sinh thái này cũng có sự kết nối với nhau. Nhưng, các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái đã nhận ra rằng, mặc dù giá trị cốt lõi và các tuyên bố khá rõ ràng, nhưng chủ nghĩa sinh thái đã áp dụng các ý tưởng theo những cách khác nhau và hiện thực những gì diễn ra không giống như họ tuyên bố ban đầu. Chủ nghĩa sinh thái tuyên bố “không tả, không hữu”, nghĩa là không nghiêng về đặt con người vào trung tâm hoặc đặt tự nhiên/sinh thái vào trung tâm. Nhưng, trên thực tế, khi áp dụng các ý tưởng lại cho thấy chủ nghĩa sinh thái không giữ lập trường nhất nguyên như họ tuyên bố, mà rơi vào nhị nguyên sinh thái (tức có sự phân biệt tầng bậc của hai giới: tự nhiên và con người).

Cụ thể, chủ nghĩa sinh thái nhấn mạnh vào “giá trị nội tại” của tự nhiên, từ đó kêu gọi bình đẳng sinh thái; chủ nghĩa sinh thái đề cao và chủ trương coi “xanh” như là giá trị cốt lõi. Từ những lập luận này cho thấy thực chất chủ nghĩa sinh thái không chỉ thể hiện thái

độ, quan điểm phân tách, có sự phân biệt tầng bậc giữa tự nhiên và con người mà hơn hết, chủ nghĩa sinh thái có xu hướng đề cao tự nhiên, đặt tự nhiên vào vị trí trung tâm, từ đó tạo ra sự tách biệt giữa con người với tự nhiên. Đối với chủ nghĩa sinh thái, tự nhiên dường như ở trên con người một bậc, bởi tự nhiên mang trong nó quyền lực tối cao là cội nguồn của vạn vật, trong đó có con người. Do vậy, con người cần tuân thủ những quy luật của tự nhiên như là mệnh lệnh. David Pepper cho rằng, chính tư duy nhị nguyên về các vấn đề sinh thái và môi trường là một kiểu tách biệt, tự tạo ra khoảng cách, thậm chí là thái độ chủ động “xa lánh”: “bởi vì sự xa lánh có nghĩa là tách khỏi mọi khía cạnh của bản thân, nên đối với những người theo chủ nghĩa xã hội sinh thái, sự xa lánh của con người đối với tự nhiên có nghĩa là không có khả năng nhận ra bản chất” (David Pepper 1993: 442).

Sự phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái cho thấy chủ nghĩa sinh thái chứa đựng đầy mâu thuẫn giữa những tuyên bố về lý luận với thực tế triển khai. Chỉ bằng những tuyên bố không thể nào che lấp được bản chất của nó, vốn đại diện cho trào lưu lấy tự nhiên làm trung tâm. Chủ nghĩa sinh thái, cũng tương tự

1 *Nhất nguyên sinh thái*: ý chỉ quan điểm thống nhất, không có sự phân chia thành hai dòng quan điểm lý thuyết đối lập là lấy con người làm trung tâm và lấy sinh thái làm trung tâm, tương ứng với đó là Chủ nghĩa duy con người (Anthropocentrism) và Chủ nghĩa duy sinh thái / chủ nghĩa sinh thái (Ecocentrism). Ngược lại với tư duy nhất nguyên sinh thái là tư duy *Nhị nguyên sinh thái*.

như trào lưu lấy con người làm trung tâm, chỉ làm gia tăng sự đa dạng của các tranh luận về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong những năm 70 của thế kỷ trước, mà chưa thể vượt qua chính trào lưu đối lập này như nó đã tuyên bố. Không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra sự ngộ nhận của chủ nghĩa sinh thái trong lập trường nhị nguyên, chủ nghĩa xã hội sinh thái còn phản biện và phê phán những hạn chế của nó ngay trong “hình hài” của lập trường nhất nguyên sinh thái làm trung tâm bằng cách khẳng định rõ lập trường của chính mình.

Chủ nghĩa xã hội sinh thái lấy con người làm trung tâm, song nó khác biệt về bản chất so với chủ thuyết lấy con người làm trung tâm của chủ nghĩa duy con người (Anthropocentrism) đã có trước đó. Bởi lẽ, “công việc của con người (vâng, bao gồm cả bom khinh khí và phòng hơi ngạt) cũng tự nhiên như công việc của chim nơ và hải ly” thay vì “con người phải làm cho xã hội của họ bắt chước thiên nhiên như những người ủng hộ chủ nghĩa môi trường” (David Pepper 2003: 229). Vị trí trung tâm của con người trong chủ nghĩa xã hội sinh thái là để hiểu và nắm bắt quy luật của tự nhiên hướng đến sự hài hòa, cũng như hiểu rõ vai trò dẫn dắt cải tạo, bảo vệ của con người trong hệ sinh thái. Nó khác hoàn toàn so với việc đặt con người vào trung tâm với nghĩa là “con người chinh phục”, con người đứng trên tự nhiên và làm chủ tự nhiên.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội sinh thái phê phán tính không triệt để trong lý

luận của chủ nghĩa sinh thái.

Chủ nghĩa sinh thái đã nhận diện đúng về bối cảnh những năm 70 của thế kỷ trước với những vấn đề môi trường sinh thái ngày càng được công chúng quan tâm, được đưa ra trong các chương trình nghị sự. Chủ nghĩa sinh thái chủ trương kêu gọi cộng đồng thay đổi tư duy, cách đối xử và nhìn nhận lại mối quan hệ với tự nhiên. Tuy nhiên, cách giải quyết vấn đề của chủ nghĩa sinh thái lại chủ yếu hướng vào biện pháp tự nhận thức, can thiệp bằng công cụ đạo đức, mở rộng tư duy đạo đức theo hướng mới, đó là nghĩa vụ đạo đức đối với thế hệ tương lai. Theo các nhà lý luận của chủ nghĩa sinh thái, chính cách giải quyết vấn đề của chủ nghĩa sinh thái đã cho thấy tính không triệt để trong tư duy, lý luận về xây dựng xã hội. Bởi lẽ, chủ nghĩa sinh thái không nhìn vào căn nguyên thực sự của các vấn đề suy thoái môi trường, khủng hoảng sinh thái diễn ra là do chủ nghĩa tư bản với phương thức sản xuất và tiêu dùng của nó; chủ nghĩa sinh thái không cho thấy thái độ đấu tranh trực diện, kiên quyết với chủ nghĩa tư bản, mà lựa chọn con đường “không tả, không hữu”; cũng như trong mục đích xây dựng xã hội sinh thái, chỉ thuần túy đặt tự nhiên vào trung tâm mà quên đi mục tiêu thực sự và cần thiết là giải phóng con người. Trong khi đó, đấu tranh xóa bỏ phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa, vượt lên trên chủ nghĩa tư bản để tiến hành chuyển đổi xã hội chủ nghĩa sinh thái được xem là tôn chỉ của các nhà lý luận

thuộc trào lưu này.

Thông qua việc phê phán trực diện một số dòng chính của chủ nghĩa sinh thái như: Sinh thái sâu, chủ nghĩa tư bản Xanh (hay chủ nghĩa tư bản sinh thái), Nữ quyền sinh thái,... chủ nghĩa xã hội sinh thái đã chứng minh tính không triệt để của chủ thuyết này.

Với tuyên bố “không tả, không hữu”, Joel Kovel phê phán sinh thái sâu đang cố ý “giữ khoảng cách” với thế giới trong bối cảnh xảy ra nhiều mâu thuẫn có liên quan đến vấn đề môi trường. Sinh thái sâu đề cao đạo đức sinh thái, kêu gọi con người cần có “nhận thức sâu” về sinh thái, thay cho “nhận thức nông” hiện tại. Song, nỗ lực này không đáng kể, “điều này ngụ ý không có mối liên hệ đặc biệt với sự phê phán chủ nghĩa tư bản hoặc giải phóng lao động” (Joel Kovel 2007: 190). Khẩu hiệu của chủ nghĩa sinh thái “đơn thuần đặt ra câu hỏi về những gì ở “phía trước”, trong khi quên rằng trong thế giới thực, thứ không đối đầu với hệ thống sẽ trở thành công cụ của nó” (Joel Kovel 2007: 190). Điều này hàm ý phê phán lý tưởng của chủ nghĩa sinh thái là mơ hồ, thậm chí không tưởng do thiếu đi căn cứ thực tiễn. Chủ nghĩa sinh thái không xuất phát từ thực tiễn để xây dựng xã hội, do vậy, không những không đạt được hiệu quả mà còn có thể tự biến mình trở thành công cụ trong tay chủ nghĩa tư bản, bị chủ nghĩa tư bản lợi dụng để minh họa trong những diễn ngôn có lợi cho họ, bởi “khi con người mất đi giá trị của mình, việc đặt thiên nhiên vào

chương trình nghị sự có vẻ như là một lựa chọn tốt” (Joel Kovel 2007: 189). Chẳng hạn, việc giai cấp tư sản lấy danh nghĩa “bảo vệ thiên nhiên” đã thúc đẩy việc thông qua các đạo luật thành lập nhiều khu bảo tồn, chiếm hữu khu vực sinh sống và sản xuất lâu đời của cộng đồng người dân bản địa. Trong thập kỷ từ 1986 - 1996, hơn 3 triệu người bị mất sinh kế, buộc phải di cư bởi các dự án phát triển và bảo tồn. Đặc biệt, quá trình xây dựng vườn quốc gia Yosemite² đã khiến cho khoảng 300 người Shoshone³ bị diệt vong do các vấn đề sinh kế, an ninh môi trường sống không được đảm bảo... (Xem: Joel Kovel 2007: 189).

Một trường hợp khác là chủ nghĩa tư bản xanh. Theo nhận định của chủ nghĩa xã hội sinh thái, chủ nghĩa tư bản xanh là sự ảo tưởng bởi đây chỉ là một cách thức thỏa hiệp và “che đậy” đặc tính không triệt để. Không thể cải biến chủ nghĩa tư bản theo hướng “xanh hóa” như cách nhiều nhà lý luận của chủ nghĩa sinh thái nghĩ, bởi bản chất cố hữu của chủ nghĩa tư bản là mở rộng vốn và “vốn hóa tự nhiên”, lợi ích của nó mâu thuẫn với sự phát triển ổn định của hệ sinh thái và giới tự nhiên. Do đó, việc cải tổ chủ nghĩa tư bản theo hướng

2 Vườn quốc gia Yosemite là một vườn quốc gia nằm ở phía Tây của Dãy núi Sierra Nevada, California, Hoa Kỳ, có diện tích 3.027km².

3 Người Shoshone phương Tây bao gồm một số bộ lạc Shoshone bản địa ở Great Basin và có vùng đất được xác định trong Hiệp ước Ruby Valley năm 1863. Họ cư trú tại Idaho, Nevada, California và Utah.

sinh thái bằng cách tạo ra những cam kết chung bảo vệ môi trường, ví dụ cụ thể là Nghị định thư Kyoto nhằm giảm phát thải khí nhà kính đã bị các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái lên án mạnh mẽ. Pepper gọi những ý định cải tổ, xanh hóa chủ nghĩa tư bản là một sự lừa đảo, “những mâu thuẫn sinh thái của chủ nghĩa tư bản khiến chủ nghĩa tư bản xanh hay bền vững trở thành một giấc mơ không thể thực hiện được, do đó nó là một sự giả tạo” (David Pepper 1996: 110). Chủ nghĩa xã hội sinh thái khẳng định rằng, chủ nghĩa tư bản xanh vẫn mang bản chất phản sinh thái của chủ nghĩa tư bản, vì vậy, thế giới hiện tại “nhân loại đang phải đối mặt với một sự lựa chọn tàn khốc: chủ nghĩa xã hội sinh thái hoặc chủ nghĩa man rợ” (Joel Kovel và cộng sự 2008).

Bằng cách phê phán chủ nghĩa sinh thái mang lập trường nhị nguyên, không triệt để trong vấn đề tái thiết xã hội mới, chủ nghĩa xã hội sinh thái đã tỏ rõ quan điểm và lập trường nhất quán về xây dựng xã hội chủ nghĩa sinh thái. Đó là xã hội mới đặt mối quan hệ công bằng, cân bằng giữa tự nhiên và con người, giữa sinh thái và xã hội vào trung tâm để nhận thức và hành động, đồng thời xây dựng phương thức sản xuất mới phản ánh mối quan hệ hài hòa với tự nhiên, xóa bỏ và vượt qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nguyên do cần phải hạn chế và xóa bỏ phương thức sản xuất và tiêu dùng của chủ nghĩa tư bản được các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái lý giải bằng những nội

dung phê phán cụ thể, rõ ràng.

3. Quan điểm phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái đối với chủ nghĩa tư bản

Quan điểm phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái đối với chủ nghĩa tư bản tập trung vào sự phê phán phương thức sản xuất và tiêu dùng mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra và duy trì.

Thứ nhất, phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa cho thấy mục tiêu của nền sản xuất tư bản phi sinh thái. Các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái đã thẳng thắn chỉ ra bản chất phản sinh thái của phương thức sản xuất tư bản, mà trước hết nằm ở chính mục tiêu mà nền sản xuất này hướng tới. Mục tiêu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là thu lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận, là không ngừng mở rộng thị trường để tích lũy tư bản ngày càng nhiều hơn. Thậm chí, chủ nghĩa tư bản làm điều này bất chấp các quy luật khách quan, “phá bỏ mọi hạn chế cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất, mở rộng nhu cầu, đa dạng hóa sản xuất, sử dụng và trao đổi các giá trị tự nhiên và tinh thần” (David Pepper 2003: 105). Đó chính là nguồn cơn của khủng hoảng sinh thái và chủ nghĩa tư bản chính là thủ phạm gây ra điều này, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là “kẻ thù của tự nhiên” - một hình ảnh ẩn dụ được đặt cho cuốn sách cùng tên của Joel Kovel.

Vì mục tiêu sản xuất hướng vào lợi nhuận nên hàng hóa sản xuất ra và lưu thông trong xã hội tư bản chú trọng vào giá trị trao đổi, xem nhẹ giá trị sử dụng.

Từ đó kích thích nhu cầu tiêu dùng của con người trở nên dư thừa lãng phí, tiêu dùng hàng hóa không phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết thực.

Các nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội sinh thái tin rằng việc đặt lợi nhuận lên trên hết là mục tiêu sai lầm và phản sinh thái bởi những lý do sau: Thứ nhất, quá trình gia tăng giá trị thặng dư đòi hỏi cần tiêu thụ nhiều hơn tài nguyên thiên nhiên, trong khi tài nguyên thiên nhiên có hạn và thời gian phục hồi thường lâu; thứ hai, quy luật tồn tại của tư bản là không ngừng mở rộng thị trường, không ngừng sản xuất và tiêu thụ tài nguyên, chỉ cần quá trình này ngưng trệ hay dừng lại, thì nền sản xuất hàng hóa sẽ khủng hoảng và suy vong. Do đó, phương thức sản xuất tư bản mang trong mình mâu thuẫn nội tại với giá trị sinh thái; thứ ba, phương thức sản xuất tư bản làm phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc, “tư bản làm hệ sinh thái trở nên hỗn loạn, khủng hoảng, trong khi bản thân nó không thể giải quyết được cuộc khủng hoảng này” (Joel Kovel 2007: 38).

Thứ hai, quá trình sản xuất phi sinh thái. Quá trình sản xuất khai thác, sử dụng tận diệt tài nguyên thiên nhiên. Dưới sự cạnh tranh của thị trường tư bản chủ nghĩa, giá cả hàng hóa và chi phí sản xuất là vấn đề được quan tâm hàng đầu, do đó quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn cố gắng cắt giảm tiêu hao tư liệu sản xuất tối đa, tăng cường thúc đẩy giá trị thặng dư do công nhân tạo ra, khai thác các nguồn tài nguyên từ tự nhiên mà không tốn kém hoặc với chi

phí tối thiểu; hay giảm chi phí xử lý chất thải từ quá trình sản xuất.

Thứ ba, quan hệ sản xuất phi sinh thái. Bản chất phi sinh thái của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là một biểu hiện cụ thể khác về bản chất phi sinh thái của chủ nghĩa tư bản. Quan hệ sản xuất là quan hệ xã hội giữa người với người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất, bao gồm quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm làm ra. Chủ nghĩa xã hội sinh thái nhận định “năng suất quyết định phương thức sản xuất, phương thức sản xuất quyết định quan hệ sản xuất” (David Pepper 2003: 82), vì vậy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ dẫn đến quan hệ sản xuất mang bản chất tương ứng - quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất trong tay nhà tư bản. Dưới góc nhìn của các nhà lý luận sinh thái xã hội chủ nghĩa, điều này không chỉ bóc lột người lao động mà còn bóc lột cả tự nhiên.

Thứ tư, nền sản xuất tư bản xanh bất khả thi. Xu hướng cải biến nền sản xuất tư bản chủ nghĩa theo hướng gần gũi, ít gây hại đến môi trường sinh thái được khá nhiều nhà sinh thái ủng hộ. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội sinh thái không đồng tình, cho rằng xanh hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hay hướng tới chủ nghĩa tư bản sinh thái là điều bất khả thi bởi bản chất cốt lõi, mâu thuẫn căn bản của chủ nghĩa tư bản là không thay đổi.

Chủ nghĩa tư bản sinh thái có thể là giải pháp để giảm bớt áp lực lên hệ sinh thái, nhưng không thể giải quyết được nguyên nhân gốc rễ. Động lực của chủ nghĩa tư bản vẫn là tiêu dùng, mục đích của sản xuất vẫn là theo đuổi giá trị thặng dư. Mặc dù quá trình sản xuất có thể được cải tiến để thân thiện hơn với môi trường, nhưng vấn đề tiêu thụ không giới hạn hàng hóa cuối cùng vẫn dẫn tới cạn kiệt tài nguyên, mất cân bằng sinh thái.

Joel Kovel đã dẫn ra minh chứng điển hình về cuộc khủng hoảng sinh thái đó là hiện tượng nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu. Đây là hệ quả từ quá trình tích lũy tư bản và mở rộng công nghiệp hóa. Mặc dù những phản ứng của chủ nghĩa tư bản như sáng kiến cam kết trong “Nghị định thư Kyoto” với hy vọng có thể giảm bớt lượng khí thải nhà kính, nhưng trên thực tế, cam kết này không thể ràng buộc được các nước lớn (có phát thải nhiều nhất), hơn thế, Nghị định thư Kyoto lại tạo ra một thị trường mới đó là thị trường giao dịch quyền phát thải, mua bán khí thải các-bon. Vì lẽ đó, những mâu thuẫn sinh thái (nội tại) của chủ nghĩa tư bản, cho dù là chủ nghĩa tư bản xanh hay chủ nghĩa tư bản bền vững, cũng chỉ là “giác mơ” không thể thực hiện được, đó chẳng qua là sự xoa dịu nhất thời dư luận.

4. Kết luận

Trên cơ sở những lập luận phê phán về mặt sinh thái đối với chủ nghĩa sinh thái và chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã

hội sinh thái đã bước đầu đưa ra hình dung của mình về mô hình xã hội mới mang tên xã hội chủ nghĩa sinh thái. Xã hội chủ nghĩa sinh thái thực chất là xã hội được xây dựng và vận hành trên nền tảng của ba thành tố chính là kinh tế sinh thái, chính trị sinh thái và văn hóa sinh thái. Cụ thể, *nền kinh tế sinh thái* vận hành phù hợp với các nguyên tắc sinh thái, dưới sự hướng dẫn của các nguyên tắc sinh thái đúng đắn thiết lập một mô hình kinh tế xanh không chỉ đáp ứng nhu cầu của sản xuất xã hội mà còn đảm bảo nhu cầu sống của thế hệ tương lai; khuyến khích sản xuất mô hình vừa và nhỏ, tự cấp. *Chính trị sinh thái* là một hệ thống chính trị lấy nguyên tắc dân chủ mới làm nòng cốt, trên cơ sở thống nhất kinh tế, chính trị và sinh thái, chống lại bá quyền và duy trì hòa bình. Nguyên tắc dân chủ mới này đề cao dân chủ lập kế hoạch (democratic planning). Nghĩa là các quyết định quan trọng về sản xuất, tái sản xuất, tiêu dùng, phân phối, đầu tư... mở rộng ra là thực tế các hoạt động của xã hội được quyết định một cách có ý thức và được tập thể thông qua bởi các quy trình dân chủ chứ không phải bởi chính quyền nhà nước hay sự điều tiết của thị trường (đứng phía sau là các nhà tư bản giàu có). Dân chủ lập kế hoạch được vận hành theo cơ chế đồng tham gia ra quyết định trực tiếp của quần chúng mà không phải bất kỳ hình thức đại diện nào. Trong hệ thống chính trị đó, vai trò của các quốc gia và các cơ quan chính quyền các cấp

có thể được phát huy, thúc đẩy sự phát triển hòa bình và ổn định của tất cả các quốc gia. *Văn hóa sinh thái* là thiết lập nền văn minh mới - văn minh sinh thái dựa trên sự phát triển toàn diện của con người và tự nhiên. Con người có thể tự do lựa chọn thời gian lao động, làm cho lao động trở thành hoạt động tự nguyện và mang lại hạnh phúc cho con người. Xây dựng đạo đức sinh thái, củng cố đạo đức của con người và nâng cao phẩm chất của chính họ.

Ba thành tố này có mối quan hệ liên đới với nhau, với vai trò chủ đạo quyết định chính là kinh tế sinh thái. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa sinh thái chính là phát triển trên nền tảng sinh thái, dựa vào sinh thái và vì sinh thái, lấy mối quan hệ hài hòa giữa tự nhiên và con người làm động lực để xây dựng một xã hội công bằng và cân bằng sinh thái.

Sự phê phán của chủ nghĩa xã hội sinh thái đối với chủ nghĩa sinh thái và chủ nghĩa tư bản là một đóng góp quan trọng vào cuộc tranh luận về môi trường và phong trào xanh đương thời. Nó vạch trần những giải pháp hời hợt, thiếu triệt để và nhấn mạnh rằng cuộc khủng hoảng môi trường không thể được giải quyết nếu không có những chuyển đổi toàn diện và sâu sắc những cấu trúc quyền lực và kinh tế. Bằng cách kết nối cuộc đấu tranh vì công bằng xã hội với công bằng môi trường, chủ nghĩa xã hội sinh thái kêu gọi một sự chuyển đổi triệt để hơn là những điều chỉnh mang tính cải lương. Đây là một lời kêu gọi hành

động cho một tương lai tốt đẹp, nơi sự thịnh vượng của con người và sức khỏe của hành tinh được đặt lên hàng đầu, vượt lên trên logic tích lũy vô hạn của chủ nghĩa tư bản./

Tài liệu trích dẫn

1. David Pepper. 1993. “Anthropocentrism, humanism and eco-socialism: A blueprint for the survival of ecological politics”. *Environmental Politics*, 2(3).
2. David Pepper. 2003. *Eco-Socialism From deep ecology to social justice*. Nxb. Routledge, Taylor & Francis Group, London and New York.
3. Joel Kovel. 2007. *The enemy of nature. The end of capitalism or the end of the world*. Nxb. Zed Books và Fernwood Publishing.
4. Joel Kovel & Michael Löwy. 2008. “The Belem Ecosocialist Declaration” (<https://climateandcapitalism.com/2008/12/16/belem-ecosocialist-declaration-a-call-for-signatures/>).
5. Phạm Thị Hương. 2024. “Quan niệm của chủ nghĩa xã hội sinh thái về kinh tế trong mô hình phát triển của xã hội tương lai”. *Tạp chí Triết học*, số 6(390).
6. Phạm Thị Hương, Ho Manh Tung. 2025. “A vision for just and fair transitions toward a carbon-free world” (Review of A just transition for all: Workers and communities for a carbon-free future by J. Mijin Cha (2024) MIT Press). *Visions for sustainability*, No.23, 3/2025, DOI: <https://doi.org/10.13135/2384-8677/11775>.